

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST
Ngày 03-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Hậu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thành Nghĩa
- Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hồng Tuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 162/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 524/2025/HSST-QĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Bùi Huy H, sinh ngày 25/8/2001 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn L, sinh năm 1967 và bà Châu Thị Mỹ H1, sinh năm 1973; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 17/9/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Bị cáo hiện đang thi hành án phạt tù tại Trại giam H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn A, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1982; cư trú tại: Thôn P, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; có mặt.

2. Ông Đặng Minh T1, sinh năm 1992; cư trú tại: Số D đường N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định; vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1973; cư trú tại: Khu phố D, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định; vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/11/2023, ông Nguyễn A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu Xám – Đen, biển số 77G1 – 646.09 từ nhà đến đồng lúa ở thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định để thả lưới bắt cá. Khi đến cánh đồng, ông A dựng xe trên đường bê tông, cởi quần dài móc lên xe, bên trong túi quần có 01 ví da màu nâu, trong ví da có 1.100.000 đồng, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô và 01 đăng ký xe mô tô biển số 77G1-646.09 rồi đi bộ ra ruộng thả lưới. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Huy H đi bộ từ thôn P, xã P về nhà. Khi đi đến đoạn đường liên thôn thuộc thôn Q, H thấy bên đường có dựng chiếc xe mô tô nêu trên, trên xe có gắn chìa khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp để bán lấy tiền tiêu xài. Quan sát xung quanh thấy không có người, H đi lại vị trí để xe, rồi mở khóa nổ máy điều khiển xe chạy đến đoạn bờ đê sông C dừng lại cạnh hàng rào cây của quán cà phê “Hải Yến” ở xã P, huyện T tài sản để kiểm tra tài sản đã chiếm đoạt được. Lúc này, H thấy trên бага xe có móc 01 chiếc quần dài nam màu xám đen nên lấy quần kiểm tra thì thấy trong túi quần có 01 chiếc ví da màu nâu, bên trong ví có số tiền 1.100.000 đồng, 01 căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe mô tô đều mang tên Nguyễn A, 01 đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Phạm T3. Sau khi kiểm tra, H thấy đăng ký xe mô tô, xe máy trùng với chiếc xe mô tô mà mình đã chiếm đoạt được nên lấy toàn bộ số tiền và đăng ký xe mô tô, xe máy. Các tài sản còn lại H ném xuống khu vực sông cạnh chân cầu 20 điều khiển xe chạy lên thị xã A, tỉnh Bình Định làm nơi tiêu thụ. Vì xe chiếm đoạt được có giấy đăng ký sở hữu nên H mang xe đến cửa hàng xe máy Trường Thịnh ở số G, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định nói dối là xe của mình đã mua lại trước đó, do cần tiền nên bán lại. Nghe H nói vậy, chủ cửa hàng xe máy Trường Thịnh là ông Trần Ngọc T (Sinh năm 1982 ở thôn P, xã N, thị xã A) đồng ý mua lại với giá 7.000.000 đồng và viết giấy tờ mua bán xe với Bùi Huy H. Sau đó, H đi xe ôm về nhà, số tiền bán xe có được H một mình tiêu xài hết. Cùng ngày, ông T bán lại chiếc xe mô tô trên cho anh Đặng Minh T1 (Sinh năm 1992 ở số D đường N, phường Đ, thị xã A) với giá 8.000.000 đồng. Ngày 21/11/2023, T1 bán lại chiếc xe này cho bà Nguyễn Thị T2 (Sinh năm 1973 ở khu phố D, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định) với giá 10.500.000 đồng. Ngày 01/12/2023, bà T2 chụp hình chiếc xe mô tô biển số 77G1 – 646.09 đăng bán xe lên mạng xã hội thì bị Cơ quan Công an phát hiện thu giữ.

Ngày 11/12/2023, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu Xám – Đen, biển số 77G1-646.09 mua và sử dụng từ tháng 5/2019, đang hoạt động bình thường, tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị thành tiền là 10.000.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành truy tìm chiếc quần dài màu xám đen và chiếc ví da màu nâu nhưng không phát hiện thu giữ được. Căn cứ vào thông tin tài sản, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T có cơ sở xác định giá trị tài sản tại thời điểm bị xâm hại nên không định giá được.

Vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu Xám – Đen, biển số 77G1-646.09 cho chủ sở hữu là ông Nguyễn A.

Về dân sự: Ông Nguyễn A yêu cầu Bùi Huy H bồi thường số tiền 1.100.000 đồng và ông Trần Ngọc T yêu cầu Bùi Huy H bồi thường số tiền 7.000.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-TP ngày 24/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố bị cáo Bùi Huy H phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Bùi Huy H khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng nêu trên nên Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Huy H tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Huy H từ 09 đến 12 tháng tù. Áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù theo Bản án số 213/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo H có nghĩa vụ bồi thường cho ông A 1.100.000 đồng và ông T 7.000.000 đồng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Huy H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu; Bị hại ông Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc T thống nhất như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị T2 đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Xét thấy, trong quá trình điều tra, ông T1 và bà T2 đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và đồng thời không có ai có ý kiến về việc vắng mặt của họ. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những

người nêu trên.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng vụ án được thu giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thu thập được nên có đầy đủ căn cứ xác định: Bùi Huy H là người có đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng do tham lam nên vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/11/2023, lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản, bị cáo Bùi Huy H có hành vi lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 77G1-646.09 có trị giá là 10.000.000 đồng và số tiền 1.100.000 đồng của ông Nguyễn A. Tổng giá trị tài sản mà H chiếm đoạt của ông A 11.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo là cố ý, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Do đó, bị cáo phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 08/CT-VKS-TP ngày 24/12/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố bị cáo Bùi Huy H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, hiện đang chấp hành hình phạt tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 213/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nên HĐXX căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nêu trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy cần phải cách ly bị cáo Bùi Huy H ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn A yêu cầu bị cáo Bùi Huy H bồi thường số tiền 1.100.000 đồng, ông Trần Ngọc T cầu bị cáo H bồi thường số tiền

7.000.000 đồng và bị cáo cũng thông nhất bồi thường số tiền nêu trên cho bị hại và ông T. Đây là quyền tự định đoạt của những người tham gia tố tụng và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện trên. Buộc bị cáo H có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông A 1.100.000 đồng và ông T 7.000.000 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bằng tiền nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[7] Về án phí: Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị cáo Bùi Huy H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đối với vấn đề khác: Đối với các ông Trần Ngọc T, Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị T2 có hành vi trao đổi mua bán chiếc xe mô tô biển số 77G1-646.09 do Bùi Huy H trộm cắp của ông Nguyễn A nhưng tại thời điểm mua bán thì các ông T, ông T1 và bà T2 không biết chiếc xe mô tô trên do H trộm cắp mà có nên không phạm tội. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không xử lý hình sự đối với các ông T, ông T1 và bà T2 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[9] Đối với hành vi đánh bạc Bùi Huy H trình bày, không có căn cứ để xác định có sự việc xảy ra và số tiền sử dụng để thực hiện hành vi đánh bạc của Bùi Huy H nên không có căn cứ để xử lý.

[10] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Huy H từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù theo Bản án số 213/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án; buộc bị cáo H có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông A 1.100.000 đồng và ông T 7.000.000 đồng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Huy H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Bùi Huy H 12 tháng tù.

Tổng hợp với hình phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Bản án hình sự sơ thẩm số 213/2024/HS-ST ngày 17/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/4/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Bùi Huy H có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn A 1.100.000 đồng (một triệu một trăm nghìn đồng) và ông Trần Ngọc T 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Huy H chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

5.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

5.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng TT, KT&THA tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Hậu